

Số: 178/2020/QĐST-DS

Củ Chi, ngày 13 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;  
Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26 và Khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 397/2019/TLST- DS ngày 14 tháng 6 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hoàng T, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: số X đường Y, tổ M, ấp P, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền của bà T có Bà Võ Thị Kim M1, sinh năm: 1957;

Địa chỉ: số X đường Y, tổ M, ấp P, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn Ch, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: số C1, tổ Z, ấp Th, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Bà T và ông Ch thống nhất hủy hợp đồng đặt cọc sang nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 07/12/2018 đối với phần đất ngang 04 m, dài hết đất, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Ch hoàn trả cho bà T số tiền cọc và tiền phạt cọc tổng cộng là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); Phương thức trả là mỗi tháng trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi trả hết số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); Thi hành ngay sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ch chưa thi hành số tiền trên, thì hàng tháng ông Ch còn phải trả cho bà T số tiền lãi do chậm thực hiện hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng ông Ch tự nguyện chịu.

Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị Hoàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0022193 ngày 14/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phan Hùng Vương**